

[illegible]

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Soạn thảo văn bản điện tử(3)	Tiếng anh(4)	Lập trình căn bản(2)	Kỹ năng mềm(2)	Văn bản pháp qui(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2454802030444	Nguyễn Quốc	Thanh	26/09/2009	6.4	6.5	9.1	6.5	7.3	5.8	7.0	7.1	Khá
23	2454802030446	Trần Thị Minh	Thư	28/08/2008	3.9	3.6	8.3	2.0	2.3	0.0	1.3	3.2	Yếu
24	2454802030447	Phạm Chí	Thật	21/03/2009	9.7	6.8	9.4	8.0	8.4	5.6	6.8	7.7	Khá
25	2454802030448	Nguyễn Trí	Toàn	03/03/2009	8.1	5.0	8.1	5.1	6.9	6.1	5.2	6.1	Trung bình
26	2454802030449	Ngô Thị Thanh	Trúc	26/12/2009	3.4	0.0	0.0	1.1	0.0	0.0	1.4	0.5	Yếu
27	2454802030450	Thiều Thanh	Tường	27/03/2009	7.4	5.4	7.1	6.2	6.5	5.1	6.8	6.2	Trung bình
28	2454802030451	Trần Ngọc Cát	Tường	10/01/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
29	2454802030452	Trần Thị Bảo	Uyên	04/09/2009	8.5	7.3	9.3	6.8	6.9	6.5	6.3	7.3	Khá
30	2454802030453	Trần Nguyễn Duy	Vũ	03/04/2009	9.0	5.9	8.6	5.4	7.5	5.7	5.7	6.5	Trung bình

*Lưu ý : Môn học **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 28 tháng 07 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái